

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/KDTM-ST

Ngày: 23-5-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng
- Ông La Văn Việt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 80/2024/TLST-KDTM, ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH G (V)

Địa chỉ: Lô -, Khu công nghiệp Đ, ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chang Tsung M - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn M1, sinh năm 1964

Địa chỉ: 1 N, phường B, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/9/2024) (có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH H2

Địa chỉ: Lô S, Đường số G, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc K - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH K3

Địa chỉ: Số E (tầng D) đường N, Khu nhà ở V, khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh K1

(Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2025) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH G và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn M1 trình bày:

Ngày 02/01/2022, Công ty TNHH G (V) có ký kết hợp đồng nguyên tắc số P2405/2022 với Công ty TNHH H2 về việc mua bán hàng hóa bao bì thùng carton. Các bên thỏa thuận quy cách, chất lượng, đơn giá và số lượng hàng căn cứ theo yêu cầu đặt hàng của bên bị đơn cung cấp hàng hóa, số lượng; đơn giá và chất liệu theo bảng báo giá đã được hai bên đồng ý để làm chuẩn. Phương thức giao hàng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng, gấp thì thời gian giao hàng là 04 ngày. Phương thức thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng bên nguyên đơn sẽ gửi bảng công nợ cho bên bị đơn để đối chiếu, sau khi hai bên xác nhận công nợ và hàng hóa đạt chất lượng, bên nguyên đơn cung cấp phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT cho bị đơn thì bị đơn sẽ tiến hành thanh toán.

Căn cứ hợp đồng nguyên tắc số P2405/2022 nêu trên và các đơn đặt hàng, phiếu giao hàng, hóa đơn GTGT đã ký giao nhận hàng thùng carton giữa Công ty TNHH G (V) với Công ty TNHH H2 thì tính đến tháng 10/2022 Công ty TNHH G (V) đã giao đủ hàng giấy thùng carton cho Công ty TNHH H2 theo đơn đặt hàng và hợp đồng giữa hai bên.

Đến ngày 30/10/2022 Công ty TNHH G (V) đã gửi thông báo xác nhận nợ với tổng số tiền hàng còn nợ là 325.305.635 đồng và đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Công ty TNHH H2 cũng đã xác nhận số tiền còn nợ là 325.305.636 đồng, nhưng Công ty TNHH H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, mặc dù, nhiều lần nguyên đơn đã nhắc nợ và yêu cầu thanh toán nhưng bên Công ty TNHH H2 không thực hiện và luôn tránh né trách nhiệm thanh toán nên Công ty TNHH G (V) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc hàng hóa và lãi suất chậm trả là 9,6% năm theo quy định, thanh toán một lần tổng số tiền nợ gồm: Nợ gốc là 325.305.636 đồng. Nợ chậm trả là 85.800.000 đồng. Tổng cộng là 411.105.636 đồng

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị Minh K1 - Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K3 – Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH H2 trình bày:

Hiện ông Lưu Ngọc K là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H2, ông nhận chuyển nhượng Công ty TNHH H2 từ bà Trương Thị Lệ H, bà Trương Thị Lệ H nhận chuyển nhượng từ bà Quách Ka M2, bà Quách Ka M2 nhận chuyển nhượng Công ty TNHH H2 từ ông H1, P, ông H1, K2 và bà H1, Fu Y. Ông H1, K2 là

người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại thời điểm ký và thực hiện hợp đồng với nguyên đơn. Bị đơn xác định hiện tại ông K và Công ty TNHH H2 không tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với bà Trương Thị Lệ H, bà Quách Ka M2 cũng như hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà Quách Ka M2 và ông H1, P, ông H1, K2 và bà H1, Fu Y. Nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty xác nhận công nợ này phát sinh do chủ cũ là ông H1, K2 phụ trách, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi với số tiền là 85.800.000đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 325.305.636đồng. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đương sự thống nhất là chứng cứ trong vụ án đã được các bên nộp đúng thủ tục và đầy đủ. Ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, các đương sự không còn chứng cứ nào khác để cung cấp và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập ai hoặc đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, xác nhận nợ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thì có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 325.305.636đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 325.305.636đồng theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Do đó, đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các bên có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Lô S, ĐS7, KCN T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2] Về người tham gia tố tụng và phạm vi xét xử: Nguyên đơn Công ty TNHH G (V) khởi kiện bị đơn Công ty TNHH H2 yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ, đây là tranh chấp giữa hai pháp nhân là hai công ty với nhau. Bị đơn xác định không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với bà Trương Thị Lệ H, hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà Trương Thị Lệ H với bà Quách Ka M2, cũng như hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà Quách Ka M2 và ông H1, P, ông H1, K2 và bà H1, Fu Y trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì bị đơn sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Căn cứ khoản 6 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đưa bà Trương Thị Lệ H, bà Quách Ka M2, ông H1, P, ông H1, K2 và bà H1, Fu Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu.

[1.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 9,6% năm với số tiền là 85.800.000đồng, nhận thấy, việc nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng nguyên tắc số P2405/2022 ngày 02/01/2022. Tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn, chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật ký kết. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp, có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào các hóa đơn do nguyên đơn cung cấp thể hiện Công ty TNHH G (V) đã giao đủ hàng giấy thùng carton cho Công ty TNHH H2 theo đơn đặt hàng và hợp đồng giữa hai bên, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã ký tên và đóng dấu xác nhận tại văn bản xác nhận nợ ngày 30/11/2022 với tổng số tiền là còn nợ

325.305.636đồng. Nay, đã quá thời hạn thanh toán, nhưng bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền 325.305.636đồng trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

[2.3] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, có cơ sở khẳng định bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 325.305.636đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty TNHH H2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 401 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G (V) về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với bị đơn Công ty TNHH H2.

1. Buộc Công ty TNHH H2 phải thanh toán cho Công ty TNHH G (V) số tiền 325.305.636đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu ba trăm lẻ năm nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Công ty TNHH G (V) theo mức lãi suất là 9,6% năm với số tiền là 85.800.000đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

3 Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH H2 phải chịu 16.265.000đồng (mười sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH G (V) số tiền 10.222.000đồng (mười triệu

hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004281 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THA huyện Đức Hòa;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng

